

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2255/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường.

2. Ông Nguyễn Thành Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1833/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2570/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3202/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T1, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Long An

Tạm trú: 160/29 đường D, Khu phố E, phường G, thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Thường trú: 80/42/14 Đường L, Tổ M, Khu phố N, phường P, thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Bà Phan Thị Thu T1 trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Duy T2 tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 18/01/2016.

Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hai năm đầu. Từ năm thứ ba trở đi, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống.

Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn là do ông T2 ghen tuông, có hành vi đánh đập bà. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông T2.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn Ông Nguyễn Duy T2 trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1 vì còn yêu thương vợ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông sẽ thay đổi tích cách và yêu thương vợ nhiều hơn nếu bà T1 đồng ý rút đơn khởi kiện.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn Ông Nguyễn Duy T2 có nơi cư trú tại số 80/42/14 Đường L, Tổ M, Khu phố N, phường P, thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Duy T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T3.

Bà Phan Thị Thu T1 có đơn xin vắng mặt, không Tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T2 và Bà Phan Thị Thu T1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An chứng nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016

ngày 18/01/2016. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông T2, bà T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn Ông Nguyễn Duy T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông T2, bà T1 đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa ông T2 và bà T1 không tồn tại tình cảm vợ chồng, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình do hai người không còn sống chung với nhau. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn Ông Nguyễn Duy T2.

- Về con chung: ông T2 và bà T1 đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ con chung.

- Về tài sản chung: ông T2 và bà T1 đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về tài sản chung.

- Về nợ chung: ông T2 và bà T1 đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về nợ chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thu T1 phải chịu án phí ly hôn 300,000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Thu T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu T1 được ly hôn Ông Nguyễn Duy T2.

- Về con chung: Ông Nguyễn Duy T2 và Bà Phan Thị Thu T1 đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Duy T2 và Bà Phan Thị Thu T1 đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Duy T2 và Bà Phan Thị Thu T1 đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn 300,000 đồng, Bà Phan Thị Thu T1 có nghĩa vụ nộp, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300,000 đồng Bà Phan Thị Thu T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025201 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thu T1 đã thi hành xong nghĩa vụ đóng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Thu T1 và Ông Nguyễn Duy T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

